

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm gần 4 điểm trong ngày hôm nay với xu hướng chủ đạo là giằng co. Chỉ số đóng cửa tại mốc 1,342.09 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 10/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bảo hiểm giảm mạnh nhất trên 1%, các ngành còn lại biến động dưới 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Xu hướng giằng co quanh ngưỡng 1,340 vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc. Nhà đầu tư nên tiếp tục giao dịch cẩn trọng khi chỉ số vẫn chưa rõ xu hướng tại vùng kháng cự cũ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 05/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-3.65** điểm, đóng cửa tại **1342.09** điểm. HNX-Index **+0.36** điểm, đóng cửa tại **231.19** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+0.61)**, **REE (+0.59)**, **VGC (+0.22)**, **STB (+0.15)**, **MWG (+0.14)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.58)**, **GAS (-0.54)**, **TCB (-0.41)**, **BID (-0.41)**, **HPG (-0.30)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,313** tỷ đồng, giảm **-17.20%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,167 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 11.38 điểm. Thị trường có **143** mã tăng, 53 mã tham chiếu, **168** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-475.76** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-117.29 tỷ)**, **VHM (-71.71 tỷ)**, **VIC (-58.08 tỷ)**, **VIX (-54.22 tỷ)**, **DXG (-51.91 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **18.52** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.11%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+2.85%) [\(Link báo cáo\)](#)
MSN (+2.65%) [\(Link báo cáo\)](#)
HSG (+1.24%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.14%**. Các mã diễn biến tích cực:
REE (+6.92%) [\(Link báo cáo\)](#)
VGC (+4.40%)
VTP (+2.47%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.11%	-0.14%	-0.27%	-0.20%
1 tuần	0.39%	1.59%	0.02%	0.06%
1 tháng	8.36%	9.23%	8.06%	8.54%
3 tháng	-5.30%	-3.23%	1.21%	3.07%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,342.09	231.19	98.87
% 1D	-0.27%	0.16%	-0.14%
GTKL (tỷ VND)	17,313	1,848	512
%1D	-17.20%	19.20%	-31.20%
GDNN (tỷ VND)	-475.76	18.52	-32.41

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	117.50	STB	-117.29
VND	40.69	VHM	-71.71
SSI	23.23	VIC	-58.08
VRE	21.05	VIX	-54.22
KBC	18.91	DXG	-51.91

Thị trường thế giới

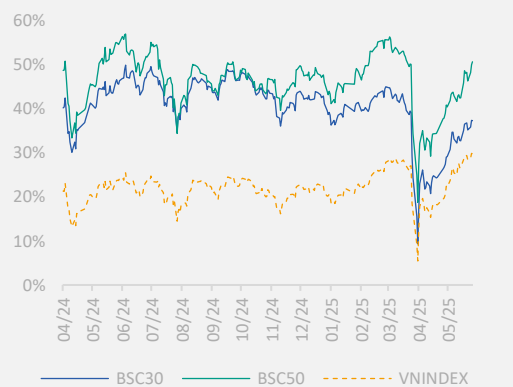
		%D	%W
SPX	5,971	0.01%	1.40%
FTSE100	8,814	0.15%	1.12%
Eurostoxx	5,426	0.41%	0.90%
Shanghai	3,384	0.23%	1.32%
Nikkei	37,554	-0.51%	-2.34%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.05	1.29%
Giá vàng	3,376	-0.61%
Tỷ giá		
USD/VND	26,244	-0.04%
EUR/VND	30,598	0.25%
JPY/VND	187	1.08%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.02%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

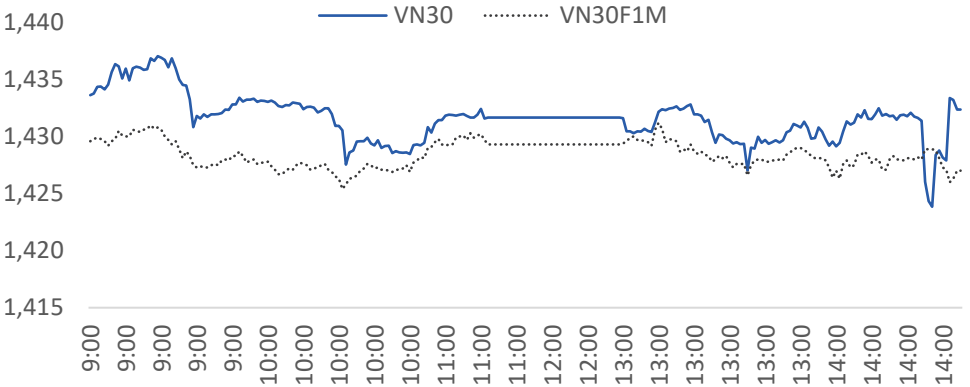
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1423.50	-0.22%	27	-32.5%	9/18/2025	105
VN30F2512	1420.20	-0.25%	74	60.9%	12/18/2025	196
4111F7000	1425.60	-0.21%	433	13.9%	7/17/2025	42
VN30F2506	1427.00	-0.21%	118,109	-8.6%	6/19/2025	14

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -2.90 điểm, đóng cửa tại 1432.38 điểm. Biên độ dao động 13.87 điểm. Các cổ phiếu như HPG, VNM, TCB, VHM, VPB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Phần lớn thời gian giao dịch trong ngày, VN30 chìm trong sắc đỏ. Chỉ số kết phiên giảm gần 3 điểm so với phiên trước cùng với thanh khoản tiếp tục suy yếu. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMSN2504	6/30/2025	25	449,500	-87.83%	7.77	60	50.0%	14.51	8.01	65.80	65.80
CMSN2404	7/28/2025	53	4,140,200	-86.96%	7.90	170	30.8%	14.49	8.58	65.80	65.80
CMSN2507	10/20/2025	137	700	-80.09%	7.80	530	26.2%	5.81	13.10	65.80	65.80
CMSN2406	11/4/2025	152	872,200	-83.62%	7.90	480	23.1%	9.68	10.78	65.80	65.80
CHDB2501	6/30/2025	25	124,200	-87.53%	2.48	110	22.2%	9.59	2.70	21.65	21.65
CMSN2501	6/26/2025	21	224,700	-88.33%	7.20	60	20.0%	7.33	7.68	65.80	65.80
CMSN2505	7/21/2025	46	1,154,400	-85.82%	7.33	200	17.6%	5.85	9.33	65.80	65.80
CMSN2508	11/19/2025	167	13,900	-80.28%	7.98	500	16.3%	5.80	12.98	65.80	65.80
CMSN2506	9/19/2025	106	96,500	-81.53%	7.56	460	15.0%	5.83	12.16	65.80	65.80
CHDB2503	9/19/2025	106	5,500	-83.58%	2.56	250	13.6%	4.78	3.56	21.65	21.65
CMSN2503	10/27/2025	144	1,457,400	-82.07%	7.50	860	13.2%	11.69	11.80	65.80	65.80
CMSN2510	2/23/2026	263	256,300	-77.90%	8.34	620	12.7%	5.77	14.54	65.80	65.80
CSSB2503	11/19/2025	167	41,200	-81.02%	2.23	300	11.1%	3.98	3.43	18.10	18.10
CSSB2504	2/23/2026	263	626,000	-77.28%	2.31	450	7.1%	3.97	4.11	18.10	18.10
CMSN2509	12/19/2025	197	5,900	-80.40%	8.20	470	6.8%	5.78	12.90	65.80	65.80
CFPT2510	2/23/2026	263	41,300	-69.26%	15.40	820	6.5%	4.08	35.90	116.80	116.80
CVRE2507	9/19/2025	106	200	-63.89%	1.99	1,940	4.9%	6.26	9.75	27.00	27.00
CFPT2503	3/26/2026	294	14,900	-78.94%	18.00	660	4.8%	9.95	24.60	116.80	116.80
CHDB2504	11/19/2025	167	130,700	-81.03%	2.67	360	2.9%	4.76	4.11	21.65	21.65
CVIC2507	11/19/2025	167	15,200	-51.44%	5.89	8,340	2.7%	18.45	47.59	98.00	98.00

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 05/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CMSN2504 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 50.00%. CSTB2409 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.72%.
- CMBB2407, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MSN	65.80	2.65%	2.03
MWG	61.70	0.65%	0.65
STB	41.35	0.85%	0.41
LPB	31.80	0.16%	0.09
VRE	27.00	0.19%	0.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	25.75	-0.77%	-1.01
VNM	56.30	-1.05%	-0.73
TCB	31.10	-0.80%	-0.71
VHM	76.80	-0.39%	-0.43
VPB	18.10	-0.82%	-0.37

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSN	65.80	2.65%	0.61	1.51
REE	77.30	6.92%	0.59	0.47
VGC	47.45	4.40%	0.22	0.45
STB	41.35	0.85%	0.15	1.89
MWG	61.70	0.65%	0.14	1.48

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	181.60	9.93%	2.29	0.20
HUT	14.70	9.70%	0.81	0.89
PVS	32.50	2.85%	0.28	0.48
PLC	27.70	6.54%	0.09	0.08
THD	30.40	1.00%	0.07	0.38

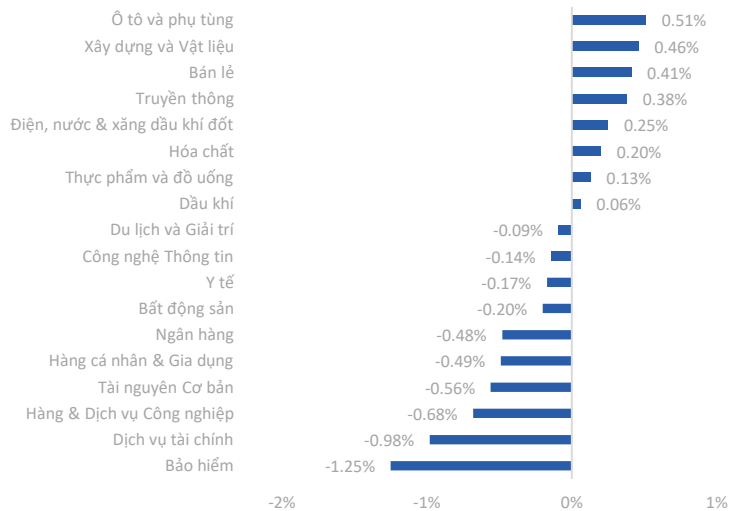
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DXS	8.29	6.97%	0.08	9.93
HAP	5.99	6.96%	0.01	1.34
PNC	29.35	6.92%	0.01	0.02
REE	77.30	6.92%	0.59	2.16
DRH	2.67	6.80%	0.01	1.93

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	181.60	9.93%	13.29	0.14
HKT	10.10	9.78%	0.02	0.00
BKC	43.80	9.77%	0.19	0.14
HUT	14.70	9.70%	4.69	7.35
BBS	13.80	9.52%	0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	56.30	-0.53%	-0.58	8.36
GAS	63.80	-1.54%	-0.54	2.34
TCB	31.10	-0.80%	-0.41	7.06
BID	35.50	-0.70%	-0.41	7.02
HPG	25.75	-0.77%	-0.30	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	13.50	-2.17%	-0.17	0.89
KSF	68.30	-1.01%	-0.13	0.30
DTK	12.90	-1.53%	-0.09	0.68
NVB	11.20	-0.88%	-0.07	1.17
MBS	28.10	-0.71%	-0.07	0.57

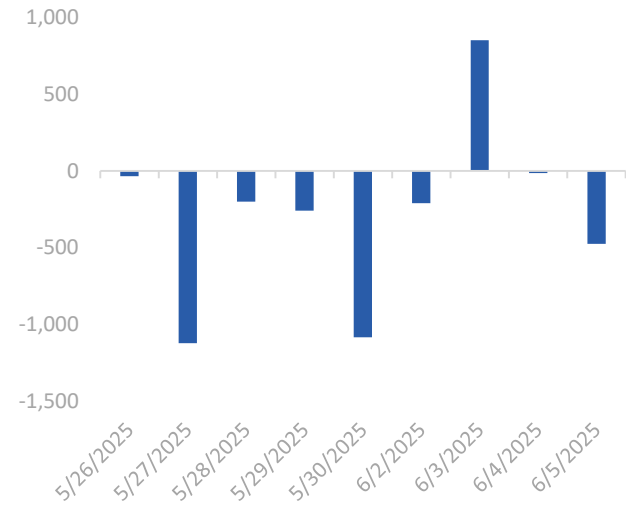
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ITC	14.70	-6.96%	-0.02	2.67
VPG	9.68	-6.92%	-0.01	0.18
SVI	56.80	-6.89%	-0.01	0.00
DAT	7.10	-6.21%	-0.01	0.00
LM8	13.45	-4.61%	0.00	0.02

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTX	23.80	-9.85%	-0.06	0.01
HEV	19.80	-9.59%	-0.01	0.00
TKU	14.40	-9.43%	-0.23	0.00
PIC	21.30	-9.36%	-0.25	0.00
VTH	7.60	-8.43%	-0.02	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	61.7	0.7%	1.4	91,250	363.5	2,979	20.7		47.9%	
KBC	Bất động sản	26.3	0.6%	1.7	20,188	379.6	1,629	16.2		17.6%	
KDH	Bất động sản	30.3	-0.8%	1.2	30,587	95.1	896	33.7		36.0%	
PDR	Bất động sản	18.3	-1.1%	1.7	16,557	165.2	180	101.4	23,600	10.1%	Link
VHM	Bất động sản	76.8	-0.4%	1.1	315,449	414.5	7,766	9.9	58,200	11.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	116.8	-0.3%	1.1	173,019	607.9	5,615	20.8	136,500	41.0%	Link
BSR	Dầu khí	18.0	0.0%	0.0	55,654	53.1	(37)	-488.3		0.2%	
PVS	Dầu khí	32.5	2.9%	1.4	15,534	289.4	2,303	14.1	39	15.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.1	-1.5%	1.7	18,791	285.0	1,394	18.7		38.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	24.0	-1.0%	1.5	46,987	660.8	1,546	15.5		34.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.9	0.6%	1.5	26,462	200.9	1,602	23.0		29.5%	
DCM	Hóa chất	34.7	0.1%	1.7	18,344	80.3	2,805	12.4	37,800	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	90.6	0.6%	1.5	34,408	147.7	8,224	11.0	109,300	14.6%	Link
ACB	Ngân hàng	21.0	-0.5%	0.8	107,870	131.6	3,224	6.5	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	35.5	-0.7%	1.0	249,258	117.5	3,643	9.7	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.6	0.1%	0.9	207,013	168.6	4,806	8.0	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	21.7	-0.9%	0.9	75,668	252.9	3,985	5.4		16.7%	
MBB	Ngân hàng	24.4	-0.6%	0.9	148,895	248.3	4,049	6.0	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.7	-0.9%	1.2	30,290	58.1	2,150	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	41.4	0.9%	0.9	77,954	579.9	5,767	7.2		20.8%	
TCB	Ngân hàng	31.1	-0.8%	1.1	219,717	500.8	3,013	10.3	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.2	0.4%	1.0	34,742	62.8	2,383	5.5	-	22.8%	Link
VCB	Ngân hàng	56.3	-0.5%	0.5	470,425	164.3	4,063	13.9	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.0	-0.6%	0.8	53,624	70.6	2,400	7.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.1	-0.8%	1.0	143,604	272.2	2,030	8.9	24,000	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.8	-0.8%	1.1	164,703	503.6	1,954	13.2	35,800	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.4	1.2%	1.5	10,153	58.4	749	21.8	16,800	8.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.4	-0.8%	1.8	9,839	282.0	3,930	7.5	32,200	3.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	65.8	2.7%	1.4	94,644	765.6	1,518	43.3	82,500	24.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.3	-1.1%	0.5	117,664	159.4	4,194	13.4		48.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	35.0	-0.85%	1.9	7,660	46.8	2,098	16.7	19.2%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	168.0	0.00%	1.2	22,889	37.8	3,279	51.2	32.7%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	50.4	-1.75%	1.1	37,413	44.2	2,975	16.9	27.1%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.8	-0.56%	1.5	11,507	221.1	303	58.7	3.5%	2.5%	
DXG	Bất động sản	15.9	-0.94%	1.5	16,149	460.5	310	51.2	23.7%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.7	-1.15%	1.4	4,584	102.1	443	58.1	3.0%	3.4%	
HDG	Bất động sản	27.0	0.93%	1.5	9,081	72.6	839	32.2	19.4%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	42.2	-0.47%	1.4	13,926	77.8	4,982	8.5	17.1%	31.2%	
NLG	Bất động sản	36.8	-1.87%	1.7	14,171	105.7	1,827	20.1	44.9%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	69.5	0.87%	0.0	14,632	35.6	6,076	11.4	4.8%	29.7%	
SZC	Bất động sản	35.2	0.00%	1.7	6,336	99.2	2,036	17.3	2.3%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.8	-1.25%	1.7	13,231	132.2	1,279	15.5	9.6%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	98.0	-0.10%	1.2	374,719	326.2	2,823	34.7	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	27.0	0.19%	1.2	61,353	181.6	1,844	14.6	18.2%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	35.4	1.14%	1.2	7,469	40.0	1,654	21.4	36.1%	12.5%	
PLX	Dầu khí	36.1	0.14%	1.0	45,868	51.1	1,535	23.5	17.2%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	19.4	0.00%	1.4	10,784	119.9	1,246	15.6	6.2%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.9	-1.73%	2.0	12,417	139.5	1,650	22.4	28.0%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.1	-0.71%	1.8	16,095	121.3	1,650	17.0	7.0%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.8	-1.54%	0.8	149,463	51.5	4,543	14.0	1.8%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.7	1.11%	1.0	32,084	105.4	546	25.1	3.6%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	77.3	6.92%	1.0	36,409	163.2	4,511	17.1	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	91.3	-0.54%	0.6	49,449	77.8	2,783	32.8	12.2%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	36.5	-1.35%	1.7	32,938	392.9	1,954	18.7	8.4%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.4	-1.18%	1.2	24,539	104.6	3,797	15.4	40.1%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	73.6	-3.29%	1.3	9,560	315.3	5,594	13.2	9.8%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.2	0.43%	1.4	8,259	42.7	3,026	7.7	10.2%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	112.0	2.47%	0.0	13,640	112.2	3,235	34.6	5.9%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	77.9	-1.27%	1.1	26,323	97.5	6,105	12.8	48.8%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	33.2	-0.75%	1.1	3,376	71.2	2,869	11.6	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.2	0.00%	1.3	2,354	13.8	2,580	7.4	16.3%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.8	-0.29%	1.4	13,227	62.8	1,223	27.6	6.9%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.2	0.17%	2.2	116,800	68.4	1,174	24.9	0.9%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	24.3	-1.42%	1.0	45,264	433.5	1,856	13.1	4.8%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.8	0.16%	0.7	94,996	43.1	3,333	9.5	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.8	0.00%	0.0	23,059	28.9	2,809	6.0	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.9	-0.46%	1.0	26,754	11.5	1,189	9.1	19.3%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.4	0.37%	1.4	5,997	110.0	1,122	11.9	5.4%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.4	1.23%	1.6	4,367	27.0	612	26.8	1.0%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	36.3	-0.82%	0.7	11,036	150.8	1,416	25.6	2.7%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	-1.20%	1.2	63,487	84.9	3,217	15.4	59.1%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.4	0.89%	1.4	12,659	50.6	5,567	10.1	22.2%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	135.7	-1.67%	1.0	11,109	23.2	13,288	10.2	85.6%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.6	0.37%	1.4	8,154	115.9	3,238	25.2	48.5%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.1	0.33%	1.6	10,421	41.8	4,754	19.2	8.8%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	66.0	-2.22%	1.5	4,158	100.2	3,738	17.7	8.4%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.7	1.20%	1.5	6,017	261.9	1,094	11.6	10.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.4	-0.21%	1.5	8,351	64.5	1,237	18.9	17.2%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.3	-0.67%	1.5	13,319	213.1	988	22.5	6.9%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	47.5	4.40%	1.6	21,274	99.0	2,720	17.5	5.6%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>